

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14/11/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy

2. Ông Đào Xuân Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thái Thị M**, sinh năm 1996;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở: X, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Đức K**, sinh năm 1995;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Phân trại số 3 - Trại giam T - Cục C10 - Bộ Công an; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Thái Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Đức K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị được tổ chức cưới và về chung sống từ năm 2014, được đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/4/2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hay xảy ra mâu thuẫn, anh K không đi làm còn nghiện ngập, đánh đập chị. Chị cùng gia đình đã khuyên giải nhưng anh K không thay đổi, anh K còn vi phạm pháp luật, bị kết án và đi chấp hành án tù về tội Trộm cắp tài sản. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ ngày 23/11/2016, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện anh K vẫn đang chấp hành án phạt tù. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Chị đề nghị được ly hôn với anh Phạm Đức K.

Tại bản tự khai (*được Ban giám thị Trại giam T*), bị đơn anh Phạm Đức K trình bày: Anh đang chấp hành án tại Trại giam T, anh và chị M kết hôn năm 2014, đến với nhau là tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã K. Sau khi kết hôn, khoảng năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do hai bên không hiểu nhau, chưa hòa giải lần nào. Anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung, tài sản chung: Chị M và anh K trình bày không có.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, xử cho chị M được ly hôn anh K. Về án phí, buộc chị M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh K đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Thái Thị M và anh Phạm Đức K kết hôn vào năm 2015, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị xin được ly hôn, anh K nhất trí. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Thái Thị M xin được ly hôn anh Phạm Đức K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Chị Thái Thị M và anh Phạm Đức K xác định không có, không yêu cầu Toà án phải giải quyết nên Toà án không xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị M có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thái Thị M được ly hôn anh Phạm Đức K.

2. Án phí: Chị Thái Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0004060 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Thái Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn